

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 9752
	Giờ: Ngày 30 tháng 03 năm 11

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2010



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

Số 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 22

2011
CÔNG
CH NH
DEL
VIỆT
G.Đ.N

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

Số 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Ngọc Châu	Chủ tịch
Ông Bùi Tuấn Trung	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2010)
Ông Hà Huy Thắng	Ủy viên
Ông Mai Viết Sinh	Ủy viên
Ông Phạm Văn Nam	Ủy viên
Ông Huỳnh Đức Thông	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2010)

Ban Giám đốc

Ông Hà Huy Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Viết Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Cung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Lèo	Phó Tổng Giám đốc (nghỉ hưu ngày 01 tháng 6 năm 2010)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hà Huy Thắng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2011

Số: 314 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 4 đến trang 22. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế phạm vi kiểm toán:

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 26 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 Công ty có phát sinh khoản công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán lâu ngày với Công ty Derya Ticaret Ltd., là 262.535 Đô la Mỹ (tương đương với số tiền 4.851.384.256 đồng). Theo giải thích của Công ty, nguyên nhân phát sinh phải thu khó đòi này là do bộ chứng từ xuất khẩu liên quan tới khoản phải thu của Công ty Derya Ticaret Ltd. đã được Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội nhận nhưng đã làm thất lạc. Công ty cũng đã chiết khấu bộ chứng từ trên với số tiền 2.975.000.000 đồng theo giấy đề nghị chiết khấu ngày 21 tháng 5 năm 2008. Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty đã tiến hành khởi kiện Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội và đang chờ phán quyết của tòa án và chưa ước tính khả năng thu hồi để trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản công nợ này. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về khoản công nợ này cũng như ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục khác được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (TIẾP THEO)

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 10 tháng 3 năm 2011
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Huy Công
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0891/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

Số 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu số B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009 (điều chỉnh lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		307.655.270.606	390.854.182.876
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	44.127.104.849	48.155.154.365
1. Tiền	111		7.793.352.849	41.675.646.945
2. Các khoản tương đương tiền	112		36.333.752.000	6.479.507.420
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	4.066.250.000	25.109.061.969
1. Đầu tư ngắn hạn	121		5.231.580.847	28.107.857.782
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.165.330.847)	(2.998.795.813)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		112.164.757.230	151.965.601.340
1. Phải thu khách hàng	131		92.779.042.877	127.904.258.850
2. Trả trước cho người bán	132		17.276.130.240	15.733.741.719
3. Các khoản phải thu khác	135	8	2.109.584.113	8.327.600.771
IV. Hàng tồn kho	140	9	133.746.984.818	149.412.411.288
1. Hàng tồn kho	141		133.746.984.818	150.329.055.818
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(916.644.530)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.550.173.709	16.211.953.914
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		362.744.571	198.305.457
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.639.229.272	5.752.790.701
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		186.939.794	947.419.149
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		5.361.260.072	9.313.438.607
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		120.546.361.886	120.119.917.633
I. Tài sản cố định	220		114.813.200.031	113.751.031.731
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	103.462.987.444	101.606.904.049
- Nguyên giá	222		117.131.844.706	108.544.180.631
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.668.857.262)	(6.937.276.582)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	10.953.147.652	10.145.769.334
- Nguyên giá	228		11.264.522.002	10.224.148.327
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(311.374.350)	(78.378.993)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		397.064.935	1.998.358.348
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.072.534.000	3.619.922.558
1. Đầu tư dài hạn khác	258	13	3.619.922.558	3.619.922.558
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(547.388.558)	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		2.660.627.855	2.748.963.344
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.660.627.855	2.628.863.344
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	120.100.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		428.201.632.492	510.974.100.509

OK

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEXSố 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009 (điều chỉnh lại)
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		205.474.041.821	287.943.497.627
I. Nợ ngắn hạn	310		161.398.198.150	250.936.623.881
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	124.162.761.479	206.796.706.151
2. Phải trả người bán	312		21.996.183.007	24.475.915.865
3. Người mua trả tiền trước	313		5.681.051.672	10.339.522.601
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	4.158.230.987	2.172.571.935
5. Phải trả người lao động	315		3.290.434.100	2.904.132.558
6. Chi phí phải trả	316		485.275.127	1.201.723.434
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	856.448.786	2.466.854.752
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		767.812.992	579.196.585
II. Nợ dài hạn	330		44.075.843.671	37.006.873.746
1. Vay và nợ dài hạn	334	17	44.027.545.369	36.968.193.098
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		48.298.302	38.680.648
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		222.727.590.671	223.030.602.882
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	222.727.590.671	223.030.602.882
1. Vốn điều lệ	411		118.103.210.000	107.431.920.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		79.313.588.169	79.266.897.909
3. Cổ phiếu quỹ	414		(6.617.928.448)	(2.089.741.544)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(13.432.697)	-
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		9.391.655.826	17.340.056.655
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.346.611.778	5.346.611.778
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		15.203.886.043	15.734.858.084
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		428.201.632.492	510.974.100.509

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2011

Người lập

Trần Thị Hằng

Kế toán trưởng

Lê Thủy Đào

Tổng Giám đốc



Hà Huy Thắng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEXSố 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu số B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2010	2009
				(điều chỉnh lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	2.117.330.990.211	1.257.718.824.282
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	8.634.620.928	7.456.384.511
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		2.108.696.369.283	1.250.262.439.771
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	2.006.667.735.210	1.210.010.609.683
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		102.028.634.073	40.251.830.088
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	23.804.139.305	37.598.649.661
7. Chi phí tài chính	22	22	40.017.972.708	17.668.248.982
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		30.248.386.520	9.357.503.852
8. Chi phí bán hàng	24		39.473.559.885	33.914.299.995
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		25.491.022.802	16.091.230.037
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		20.850.217.983	10.176.700.735
11. Thu nhập khác	31		856.325.591	3.164.192.448
12. Chi phí khác	32		169.710.600	331.090.456
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		686.614.991	2.833.101.992
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		21.536.832.974	13.009.802.727
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		5.331.736.313	1.951.499.207
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		16.205.096.661	11.058.303.520
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	1.388	953

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Thị Hằng



Lê Thúy Đào



Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEXSố 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2010	2009 (điều chỉnh lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	21.536.832.974	13.009.802.727
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	7.145.516.779	1.933.458.299
Các khoản dự phòng (hoàn nhập)	03	(2.202.720.938)	(12.462.006.997)
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	1.817.419.024
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(3.997.756.018)	(4.864.457.148)
Chi phí lãi vay	06	30.248.386.520	9.357.503.852
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	52.730.259.317	8.791.719.757
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	39.800.844.110	(28.224.420.070)
Giảm hàng tồn kho	10	16.582.071.000	37.086.525.688
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(7.572.044.457)	13.546.215.203
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước và các tài sản khác	12	(5.947.001.804)	1.874.295.991
Tiền lãi vay đã trả	13	(29.972.331.804)	(10.325.226.080)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(5.389.842.381)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	20.018.845.648	22.615.956
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(12.426.811.014)	(861.603.695)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	67.823.988.615	21.910.122.750
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(8.707.290.509)	(96.625.807.759)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(36.817.948.362)	(56.223.185.994)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	59.486.128.255	45.506.909.362
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	128.029.400
5. Thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.705.458.490	10.392.438.238
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	18.666.347.874	(96.821.616.753)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền chi mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(4.528.186.904)	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.326.239.641.771	831.094.729.845
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.401.814.234.172)	(732.788.908.792)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho các cổ đông	36	(10.415.606.700)	(15.983.388.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(90.518.386.005)	82.322.433.053
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(4.028.049.516)	7.410.939.050
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	48.155.154.365	40.744.215.315
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	44.127.104.849	48.155.154.365

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Thị Hằng

Lê Thủy Đào



Hà Huy Thắng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

Số 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002720 lần đầu vào ngày 01 tháng 10 năm 2004 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam nắm giữ 51,7% vốn điều lệ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có 03 công ty con như sau:

- Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Petrolimex Bình Dương (hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 2 số 3700891170 ngày 24 tháng 11 năm 2009), địa chỉ: Ấp 1A, xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội (hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104002024 ngày 09 tháng 10 năm 2007), địa chỉ: Số 1, Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội; và
- Công ty TNHH Một thành viên Sơn Petrolimex (hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309391013 ngày 25 tháng 9 năm 2009), địa chỉ: Phòng 908 tầng 9, Cao ốc Centropoint, số 106 Nguyễn Văn Trỗi, phường 8, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.

Và chi nhánh:

- Xí nghiệp Nông sản Tân Uyên, Ấp 3, xã Hội Nghĩa, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 174 (31 tháng 12 năm 2009: 136).

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng nông-lâm-thủy-hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng, máy móc thiết bị ngành công, nông nghiệp, phương tiện vận tải, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất, tiêu dùng;
- Mua bán, sản xuất, gia công, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản hàng hóa, kim loại màu;
- Kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu xăng dầu, các sản phẩm hóa dầu;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu; Đại lý kinh doanh xăng dầu; Mua bán sản phẩm hóa dầu (trừ gas);
- Đại lý, sản xuất, gia công, chế biến hàng hóa xuất nhập khẩu (trừ chế biến thực phẩm tươi sống, tái chế nhựa, kim loại phế thải, xi mạ điện, gia công cơ khí);
- Kinh doanh, đầu tư cơ sở hạ tầng, kinh doanh nhà;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Sản xuất, mua bán các loại thẻ từ, thẻ vi mạch, thẻ điện thoại (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất, mua bán sơn và nguyên liệu, sản phẩm ngành sản xuất sơn (không sản xuất tại trụ sở).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỷ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ trọng yếu và số dư giữa Công ty và các công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

Số 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hoá tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 - “Hàng tồn kho” và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng, giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Tài sản cố định hữu hình	2010
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 7
Phương tiện vận tải	5 - 6
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính. Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao trên cơ sở thời gian thực tế được cấp, quyền sử dụng đất lâu dài không phải trích khấu hao. Các phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính là từ 3 đến 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia, lãi kinh doanh chứng khoán, lãi trả chậm, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận cổ tức hoặc có quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương (được chấp thuận bởi Bộ Tài chính tại Công văn số 1916/BTC-CKKT ngày 20 tháng 02 năm 2009 về việc áp dụng tỷ giá hối đoái trong hạch toán kế toán tại Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam) và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Ngoại tệ (Tiếp theo)**

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo VAS10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC làm lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 tăng 13.432.697 VND và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 sẽ giảm một khoản tương ứng so với áp dụng theo VAS10.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại do không có các khoản chênh lệch trọng yếu giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

Số 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***5. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỔ**

Theo Công văn số 3517/TCT-DNL ngày 11 tháng 9 năm 2010 của Tổng Cục thuế về chính sách thuế đối với hoạt động chuyển nhượng quyền góp vốn vào dự án, các hoạt động liên quan đến chuyển nhượng quyền mua và bán bất động sản sẽ thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng. Theo đó, Công ty đã xác định lại thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản của năm 2007, 2008, 2009 và Ban Giám đốc Công ty quyết định điều chỉnh hồi tố các sai sót này vào số liệu so sánh của báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 như sau:

Trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

Đơn vị: VND

Khoản mục	Mã số	Tại ngày 31/12/2009 (trước điều chỉnh)	Tại ngày 31/12/2009 (sau điều chỉnh)	Chênh lệch
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	12.043.665.181	5.752.790.701	(6.290.874.480)
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	419.888.745	947.419.149	527.530.404
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	1.837.309.147	2.172.571.935	335.262.788
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	21.833.464.948	15.734.858.084	(6.098.606.864)

Trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Đơn vị: VND

Khoản mục	Mã số	2009 (trước điều chỉnh)	2009 (sau điều chỉnh)	Chênh lệch
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1.235.044.597.701	1.257.718.824.282	22.674.226.581
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	1.185.451.168.138	1.210.010.609.683	24.559.441.545
Doanh thu hoạt động tài chính	21	38.632.276.659	37.598.649.661	(1.033.626.998)
Chi phí tài chính	22	18.600.312.525	17.668.248.982	(932.063.543)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	1.976.890.071	1.951.499.207	(25.390.864)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	13.019.691.075	11.058.303.520	(1.961.387.555)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.236	953	(283)

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền mặt	261.011.613	81.024.265
Tiền gửi ngân hàng	7.532.341.236	41.594.622.680
Các khoản tương đương tiền (i)	36.333.752.000	6.479.507.420
	44.127.104.849	48.155.154.365

- (i) Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEXSố 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (i)	5.231.580.847	20.084.657.782
Đầu tư ngắn hạn khác	-	8.023.200.000
Cộng	5.231.580.847	28.107.857.782
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(1.165.330.847)	(2.998.795.813)
Đầu tư ngắn hạn	4.066.250.000	25.109.061.969

(i) Bao gồm các chứng khoán sau:

Chứng khoán	31/12/2010		31/12/2009	
	Số lượng cổ phần	Giá trị VND	Số lượng cổ phần	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Âu Lạc	13.000	410.000.000	13.000	410.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	-	-	40.000	2.400.000.000
Công ty Cổ phần Kim loại màu Nghệ Tĩnh	55	660.000	225.000	2.705.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu	-	-	128.649	6.017.523.920
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	-	-	20.000	755.508.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hình	-	-	150.500	3.299.070.000
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí	-	-	113.150	4.497.555.862
Công ty Cổ phần Thuận Thảo	15.000	150.825.900	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	15.960	693.702.996	-	-
Công ty Cổ phần Vạn Phát Hưng	22.840	880.050.098	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh vật tư	16.000	570.358.257	-	-
Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam	15.350	273.383.596	-	-
Công ty Cổ phần Nông sản Tân Tân Hoa	225.260	2.252.600.000	-	-
		5.231.580.847		20.084.657.782

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Phải thu về lãi trả chậm theo hợp đồng (i)	381.235.902	5.552.418.096
Phải thu người lao động về khoản vay của Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Bình	-	1.748.484.000
Phải thu khác	1.728.348.211	1.026.698.675
	2.109.584.113	8.327.600.771

(i) Phản ánh các khoản lãi phải thu do khách hàng thanh toán tiền hàng không đúng với tiến độ theo quy định trong hợp đồng, cụ thể:

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tên khách hàng		
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hiệp Chấn Thành	-	493.735.283
Công ty TNHH Bình An	-	3.662.790.027
Công ty TNHH Điện tử Điện lạnh Bình Minh	-	1.395.892.786
Công ty Cổ phần Thép Mới	381.235.902	-
	381.235.902	5.552.418.096

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEXSố 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.801.708.685	5.790.045.225
Công cụ, dụng cụ	6.045.000	184.831.969
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	665.007.988	512.084.145
Thành phẩm	4.350.656.502	21.424.038
Hàng hóa	118.613.111.423	143.820.670.441
Hàng hóa bất động sản đầu tư	1.310.455.220	-
Cộng	133.746.984.818	150.329.055.818
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(916.644.530)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	133.746.984.818	149.412.411.288

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2010	33.947.197.993	67.344.370.659	4.757.670.570	2.494.941.409	108.544.180.631
Mua trong năm	113.110.000	282.938.779	1.743.906.701	171.714.900	2.311.670.380
Đầu tư XDCB hoàn thành	475.390.382	4.727.752.114	1.348.635.466	404.761.905	6.956.539.867
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(63.352.803)	(63.352.803)
Giảm khác	-	-	-	(617.193.369)	(617.193.369)
Tại ngày 31/12/2010	34.535.698.375	72.355.061.552	7.850.212.737	2.390.872.042	117.131.844.706
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUYẾT KẾ					
Tại ngày 01/01/2010	2.873.357.615	805.087.229	2.410.309.614	848.522.124	6.937.276.582
Khấu hao trong năm	1.817.267.697	3.956.101.333	802.261.686	336.890.706	6.912.521.422
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(63.352.803)	(63.352.803)
Giảm khác	-	-	-	(117.587.939)	(117.587.939)
Tại ngày 31/12/2010	4.690.625.312	4.761.188.562	3.212.571.300	1.004.472.088	13.668.857.262
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2010	29.845.073.063	67.593.872.990	4.637.641.437	1.386.399.954	103.462.987.444
Tại ngày 31/12/2009	31.073.840.378	66.539.283.430	2.347.360.956	1.646.419.285	101.606.904.049

Nguyên giá của tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là: 2.821.552.125 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 1.966.078.492 đồng).

Toàn bộ giá trị Nhà máy sản xuất Sơn Petrolimex được dùng để thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp số 0009/NHNT ngày 04 tháng 3 năm 2009 cho Hợp đồng vay dài hạn số 0011/ĐTDA/09/CD ngày 04 tháng 3 năm 2009 với nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là khoảng 95 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEXSố 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2010	10.113.130.827	111.017.500	10.224.148.327
Mua trong năm	1.413.400.000	18.975.000	1.432.375.000
Giảm khác	(392.001.325)	-	(392.001.325)
Tại ngày 31/12/2010	11.134.529.502	129.992.500	11.264.522.002
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2010	-	78.378.993	78.378.993
Trích khấu hao	210.371.898	22.623.459	232.995.357
Tại ngày 31/12/2010	210.371.898	101.002.452	311.374.350
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2010	10.924.157.604	28.990.048	10.953.147.652
Tại ngày 31/12/2009	10.113.130.827	32.638.507	10.145.769.334

Giá trị quyền sử dụng đất để xây dựng Nhà máy sản xuất Sơn Petrolimex tại lô đất số 231, 232 của khu Công nghiệp Vietship II, diện tích đất khoảng 12.400 m² đã được sử dụng để thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp số 0010/NHNT ngày 04 tháng 3 năm 2009 với nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là khoảng 5 tỷ đồng.

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH Một thành viên XNK Petrolimex Bình Dương	Bình Dương	100%	Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng nông-lâm-thủy-hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ; Hàng tiêu dùng (hàng công nghệ thực phẩm, thực phẩm công nghệ), máy móc thiết bị ngành công, nông nghiệp, phương tiện vận tải, vật tư, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, tiêu dùng; Mua bán, sản xuất gia công, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản hàng hóa, kim loại màu (không sản xuất, gia công, chế biến tại, trụ sở). ..
Công ty TNHH Một thành viên XNK Petrolimex Hà Nội	Hà Nội	100%	Mua bán, xuất nhập khẩu hàng nông-lâm-thủy-hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng, máy móc thiết bị ngành công, nông nghiệp, phương tiện vận tải, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất, tiêu dùng; Mua bán, sản xuất, gia công, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản hàng hóa, kim loại màu; Đại lý, sản xuất, gia công, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản hàng hóa, kim loại màu...
Công ty TNHH Một Thành viên Sơn Petrolimex	Hồ Chí Minh	100%	Sản xuất sơn, vecni và các chất sơn, quét tương tự, matit (không phải sản xuất tại trụ sở); Bán buôn sơn, vecni, bán lẻ sơn, màu, vecni trong các cửa hàng chuyên doanh; Kinh doanh các mặt hàng khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEXSố 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (TIẾP THEO)**

Báo cáo tài chính của các công ty con trên được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất này. Số tiền đầu tư vào các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Tên Công ty con	Giá trị đầu tư tại 31/12/2010	Giá trị đầu tư tại 31/12/2009
	VND	VND
Công ty TNHH Một thành viên XNK Petrolimex Bình Dương	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên XNK Petrolimex Hà Nội	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Sơn Petrolimex	120.000.000.000	44.821.936.816
	150.000.000.000	74.821.936.816

13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 phản ánh khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai với số tiền là 3.619.922.558 đồng (tương đương với 146.836 cổ phần). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư này là 547.388.558 đồng.

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Vay ngắn hạn (i)	119.760.491.240	206.796.706.151
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 17)	4.402.270.239	-
	124.162.761.479	206.796.706.151

(i) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Bên cho vay	31/12/2010 (VND)	31/12/2009 (VND)	Phương thức đảm bảo
Tại Công ty Công ty Xuất nhập khẩu Petrolimex			
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	27.891.329.824	21.071.210.920	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	67.799.536.200	71.080.535.172	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	-	14.749.092.000	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	-	83.819.868.059	Tín chấp
Tại Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội			
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	13.494.625.216	13.101.000.000	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội	7.600.000.000	-	
Tại Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Bình Dương			
Ngân hàng TMCP Quân Đội	2.975.000.000	2.975.000.000	Chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu
	119.760.491.240	206.796.706.151	

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

Số 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***15. THUÊ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	(điều chỉnh lại) VND
Thuế giá trị gia tăng	1.744.708.060	-
Thuế xuất nhập khẩu	1.484.751.424	818.585.398
Thuế thu nhập doanh nghiệp	328.149.757	304.343.344
Thuế thu nhập cá nhân	600.621.746	120.489.258
Các loại thuế khác	-	929.153.935
	4.158.230.987	2.172.571.935

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội, BHYT	-	58.440.136
Kinh phí công đoàn	173.542.362	191.855.646
Phải trả các khoản vay hộ cán bộ công nhân viên (i)	-	1.579.940.792
Các khoản phải trả, phải nộp khác	682.906.424	636.618.178
	856.448.786	2.466.854.752

(i) Phản ánh khoản phải trả Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Bình do Công ty thực hiện vay hộ cho một số cán bộ công nhân viên của Công ty để mua cổ phiếu của Công ty tại thời điểm cổ phần hóa.

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Vay dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 phản ánh khoản vay theo Hợp đồng vay vốn dài hạn số 0011/ĐTDA/09/CD ngày 04 tháng 3 năm 2009 ký với Ngân hàng TMCP Ngoại thương thành phố Hồ Chí Minh. Hợp đồng có hạn mức tín dụng 50 tỷ đồng, lãi suất 6,5%/năm, mục đích vay để đầu tư dự án. Thời hạn cho vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hạn nợ gốc là 21 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản thế chấp bao gồm:

- Tài sản là nhà Nhà máy sản xuất Sơn Petrolimex theo hợp đồng thế chấp số 0009/NHNT ngày 04 tháng 3 năm 2009;
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Nhà máy sản xuất sơn Petrolimex tại lô đất số 231, 232 của khu Công nghiệp Vietship II, diện tích đất khoảng 12.400 m² theo Hợp đồng thế chấp số 0010/NHNT ngày 04 tháng 3 năm 2009.

Khoản vay dài hạn được trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Trong vòng một năm	4.402.270.239	-
Trong năm thứ hai	5.869.693.652	2.604.956.080
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	17.609.080.955	13.441.635.010
Sau năm năm	20.548.770.762	20.921.602.008
	48.429.815.608	36.968.193.098
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	4.402.270.239	-
	44.027.545.369	36.968.193.098

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

Số 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Mẫu B 09-DN/HN

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2009	107.431.920.000	79.266.897.909	(2.089.741.544)	-	7.966.476.132	3.346.611.778	35.450.274.658	231.372.438.933
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	13.019.691.075	13.019.691.075
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	9.373.580.523	2.000.000.000	(12.373.580.523)	(1.000.000.000)
Tặng khác	-	-	-	-	-	-	1.720.467.738	1.720.467.738
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	(15.983.388.000)	(15.983.388.000)
Tại ngày 31/12/2009	107.431.920.000	79.266.897.909	(2.089.741.544)	-	17.340.056.655	5.346.611.778	21.833.464.948	229.129.209.746
Điều chỉnh hồi tố	-	-	-	-	-	-	(6.098.606.864)	(6.098.606.864)
Tại ngày 31/12/2009 (sau điều chỉnh)	107.431.920.000	79.266.897.909	(2.089.741.544)	-	17.340.056.655	5.346.611.778	15.734.858.084	223.030.602.882
Tăng vốn (i)	10.671.290.000	-	-	-	(7.470.953.000)	-	(3.200.337.000)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	16.205.096.661	16.205.096.661
Phân phối lợi nhuận (ii)	-	-	-	-	-	2.000.000.000	(3.300.000.000)	(1.300.000.000)
Tặng khác	-	46.690.260	305.479.740	-	-	-	477.447.829	829.617.829
Trả cổ tức (i)	-	-	-	-	-	-	(10.672.790.000)	(10.672.790.000)
Giảm khác	-	-	(4.833.666.644)	(13.432.697)	(477.447.829)	-	(40.389.531)	(5.364.936.701)
Tại ngày 31/12/2010	118.103.210.000	79.313.588.169	(6.617.928.448)	(13.432.697)	9.391.655.826	7.346.611.778	15.203.886.043	222.727.590.671

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 ngày 28 tháng 4 năm 2010, Công ty đã chi trả cổ tức bằng tiền mặt từ lợi nhuận sau thuế năm 2009 cho các cổ đông là 10%/cổ phần tương ứng với số tiền là 10.672.790.000 đồng và chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 100:10 tương ứng với số tiền là 10.671.290.000 đồng (trong đó từ Quỹ đầu tư phát triển là 7.470.953.000 đồng và từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 3.200.337.000 đồng).

(ii) Công ty thực hiện trích lập Quỹ dự phòng tài chính và Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 ngày 28 tháng 4 năm 2010 với số tiền lần lượt là 2.000.000.000 đồng và 1.000.000.000 đồng từ lợi nhuận sau thuế năm 2009. Bên cạnh đó, Công ty tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm 2010 với số tiền là 300.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEXSố 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)Chi tiết vốn điều lệ:

Cổ đông	Vốn điều lệ			Vốn thực góp đến ngày 31/12/2010		
	Số cổ phần	Tỷ lệ	Thành tiền VND	Số cổ phần	Tỷ lệ	Thành tiền VND
1. Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	6.105.573	51,70%	61.055.730.000	6.105.573	51,70%	61.055.730.000
2. Các cổ đông khác	5.704.748	48,30%	57.047.480.000	5.704.748	48,30%	57.047.480.000
	11.810.321	100,00%	118.103.210.000	11.810.321	100,00%	118.103.210.000

Cổ phiếu

		31/12/2010	31/12/2009
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	Cổ phần	11.810.321	10.743.192
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>		<i>11.810.321</i>	<i>10.743.192</i>
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	Cổ phần	421.130	87.600
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>		<i>421.130</i>	<i>87.600</i>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	Cổ phần	11.389.191	10.655.592
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>		<i>11.389.191</i>	<i>10.655.592</i>
Mệnh giá mỗi cổ phần	VND	10.000	10.000

19. DOANH THU

	2010	2009
	(điều chỉnh lại)	
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.114.196.969.815	1.235.044.597.701
Doanh thu từ kinh doanh bất động sản	3.134.020.396	22.674.226.581
	2.117.330.990.211	1.257.718.824.282
Các khoản giảm trừ doanh thu	8.634.620.928	7.456.384.511
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.108.696.369.283	1.250.262.439.771

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2010	2009
	(điều chỉnh lại)	
	VND	VND
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	2.004.377.268.434	1.195.543.815.426
Giá vốn kinh doanh bất động sản	3.207.111.306	24.559.441.545
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(916.644.530)	(10.092.647.288)
	2.006.667.735.210	1.210.010.609.683

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2010	2009
	(điều chỉnh lại)	
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.975.114.190	1.682.686.561
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	7.401.588.410	3.822.370.940
Cổ tức, lợi nhuận được chia	730.344.300	3.853.753.739
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.194.728.400	22.421.388.344
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	2.216.196.918
Lãi bán hàng trả chậm	4.502.364.005	3.602.253.159
	23.804.139.305	37.598.649.661

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEXSố 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**Mẫu B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2010	2009
	VND	(điều chỉnh lại) VND
Chi phí đi vay	30.248.386.520	9.357.503.852
Chiết khấu thanh toán	57.431.009	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	7.609.685.452	4.613.075.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.913.663.431	5.281.859.238
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	398.777.894
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(1.174.701.777)	(2.369.359.709)
Chi phí tài chính khác	363.508.073	386.392.707
	40.017.972.708	17.668.248.982

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Đơn vị tính	2010	2009
			(điều chỉnh lại)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	16.205.096.661	11.058.303.520
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	Cổ phần	11.675.911	11.600.860
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (i)	VND/Cổ phần	1.388	953

- (i) Công ty chia cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế và Quỹ đầu tư phát triển từ năm 2009 mang sang với số tiền là 10.671.290.000 đồng (tương đương với 1.067.129 cổ phần) và thực hiện điều chỉnh hồi tố như trình bày tại Thuyết minh số 5, do đó lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2009 được tính lại là 953 đồng/cổ phần (số trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009 là 1.236 đồng/cổ phần).

24. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Ngày 29 tháng 12 năm 2010, Công ty ký Hợp đồng số 152/2010/HĐMB/KD3-PTT mua 135 tấn tiêu đen với Công ty TNHH Phùng Thuận Thành, tổng giá trị hợp đồng khoảng 10,8 tỷ đồng, thời hạn giao hàng được 2 bên thỏa thuận là vào khoảng tháng 03 năm 2011.

Ngày 29 tháng 12 năm 2010, Công ty ký Hợp đồng số 114/2010/Contracts/KD3-Jawad bán 135 tấn tiêu đen cho Công ty Jawad Al Sharq Trading, tổng giá trị hợp đồng là 567.000 USD (tương đương khoảng 11 tỷ đồng), thời hạn giao hàng được 2 bên thỏa thuận là vào khoảng tháng 03 năm 2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEXSố 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Mối quan hệ	2010	2009
Mua hàng			
Công ty Xăng dầu Lâm Đồng	Thành viên của Petrolimex	-	24.920.195.294
Công ty Xăng dầu Bà Rịa-Vũng Tàu	Thành viên của Petrolimex	70.407.067.571	31.822.090.159
Công ty Xăng dầu Đồng Nai	Thành viên của Petrolimex	50.519.998.368	24.887.291.715
Công ty Xăng dầu Khu vực II	Thành viên của Petrolimex	29.621.674.580	-
Thu nhập của Ban Giám đốc		1.992.462.833	1.516.966.000

Số dư với các bên liên quan:

	Mối quan hệ	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Công nợ phải trả			
Công ty Xăng dầu Bà Rịa-Vũng Tàu	Thành viên của Petrolimex	432.000	7.143.941.464
Công ty Xăng dầu Đồng Nai	Thành viên của Petrolimex	1.087.932.400	-
Công ty Xăng dầu Khu vực II	Thành viên của Petrolimex	9.908.095.014	-

26. CÁC VẤN ĐỀ KHÁC

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có phát sinh khoản công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán lâu ngày đối với Công ty Derya Ticaret Ltd là 262.535 Đô la Mỹ (tương đương với số tiền 4.851.384.256 đồng) và Ban Giám đốc quyết định không trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản phải thu này. Nguyên nhân phát sinh khoản phải thu khó đòi là do bộ chứng từ xuất khẩu liên quan tới khoản phải thu Công ty Derya Ticaret Ltd. đã được Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội nhận nhưng đã làm thất lạc. Công ty cũng đã chiết khấu bộ chứng từ trên với số tiền 2.975.000.000 đồng theo giấy đề nghị chiết khấu ngày 21 tháng 5 năm 2008. Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty đã tiến hành khởi kiện Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội và đang chờ phán quyết của tòa án. Do vậy, Ban Giám đốc Công ty quyết định chưa thực hiện trích lập dự phòng khoản phải thu khó đòi này vào báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu như trình bày tại Thuyết minh số 5.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Thị Hằng

Lê Thúy Đào

Hà Huy Thắng